

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HSST
Ngày: 08/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Vinh
2. Bà Lương Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Quỳnh Anh, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Nguyễn Đức T**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, tại Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT: thôn Tây, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở: thôn Nam, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ Nguyễn Văn T; Mẹ đẻ Dương Thị L; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 20/12/2022 áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay (Có mặt).

Bị hại: chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989; Địa chỉ: số 03 đường Đ, phố 1, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Xuân T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: số 339, đường 1A, phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Chị Dương Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị H, (Vắng mặt).

2. Ông Trần Đức L, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11/12/2022, Nguyễn Đức T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR X màu trắng xanh đen, biển kiểm soát 35B2- 366.17 của Nguyễn Đức M, sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình để đi xuống phường T, thành phố N lấy đồ. Khoảng 12 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô trên đi từ xã T đến quán phở cuốn của chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989 ở số 03 đường Đ, phố 1, phường Đ, thành phố N để mua phở cuốn. Khi vào quán hỏi mua phở cuốn, do chị N đang bận làm đơn trả khách trong bếp nên hẹn T đến 13 giờ 30 phút cùng ngày mới có hàng. T đứng trong bếp nói chuyện với chị N một lúc rồi đi về, khi quay ra T nhìn thấy chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max màu xanh của chị N để trên ghế trong bếp nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Quan sát thấy chị N không chú ý, T đã lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần bên phải phía trước rồi đi ra ngoài lấy xe đi về. Khi đi đến khu vực Quảng trường Đ thuộc phường N, thành phố N, T dừng xe lấy điện thoại vừa trộm cắp được ra nhập mật khẩu máy là 6 số 0 thì mở được máy, T đã tháo sim rồi reset lại máy và đi thẳng đến quán điện thoại của anh Lê Xuân T1, sinh năm 1996 ở số 339 đường 1A, phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, T nói điện thoại của bản thân do mẹ tặng sinh nhật, đang cần tiền nên bán, anh T1 xem máy và đồng ý mua với giá 11.500.000 đồng. Chiếc sim điện thoại T đã rút trên đường đi không nhớ vị trí. Số tiền bán điện thoại T đã trả nợ cho bạn bè hết 9.500.000 đồng. Ngày 12/12/2022, khi được cơ quan Công an triệu tập, T đã đầu thú về hành vi của mình và giao nộp số tiền 2.000.000 đồng còn lại. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max T bán cho anh T1 tại cửa hàng điện thoại của anh Lê Xuân T1. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của Nguyễn Đức M: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM STARX màu trắng xanh đen biển kiểm soát 35B2-366.17, xe đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 35B2-366.17 mang tên Nguyễn Văn H.

Tại kết luận định giá số 81 ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận: giá trị điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Pro Max 128 GB tại thời điểm tháng 12/2022 là 18.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 06/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản”; theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 81 ngày 19/12/2022 của UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm

cấp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS; Xử phạt Nguyễn Đức T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ 08 ngày đã bị tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 20/12/2022 quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ) thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án; Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo; Trong thời gian chấp hành án bị cáo còn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 05% đến 10% để sung công quỹ Nhà nước;

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan; phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; lời khai người làm chứng; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm; Bản kết luận định giá sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N và nội dung Bản cáo trạng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: khoảng 12h30 phút ngày 11/12/2022 tại số nhà 03, đường Đ, phố 1, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở Nguyễn Đức T đã lấy đi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Pro Max 128 GB của chị Trần Thị Thanh N trị giá 18.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn

cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T là phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ: khi được cơ quan Công an triệu tập, T đã đầu thú về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm. Do đó cần áp dụng Điều Điều 36 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là có căn cứ, phù hợp. Đồng thời quyết định khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo là 5%.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh đã qua sử dụng, sau khi định giá tài sản, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị Thanh N là chủ sở hữu theo quy định. Chị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc sim điện thoại, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng Nguyễn Đức T giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là tiền T bán chiếc điện thoại đã trộm cắp được cho anh Lê Xuân T1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T1 theo quy định. Ngày 13/12/2022 chị Dương Thị L - sinh năm 1983 trú tại xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình là mẹ đẻ của Nguyễn Đức T đã hoàn trả cho anh Lê Xuân T1 số tiền 9.500.000đồng bỏ ra mua điện thoại của T. Anh T1 đã nhận đủ số tiền 11.500.000đồng và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Chị L không yêu cầu T phải hoàn trả số tiền 9.500.000đồng.

[4]. Các vấn đề khác:

- Đối với anh Lê Xuân T1 là người mua chiếc điện thoại Nguyễn Đức T trộm cắp ngày 11/12/2022, anh T1 không biết đó là tài sản do T trộm cắp, do vậy không có căn cứ xử lý đối với anh T1.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM STARX, màu trắng xanh đen biển kiểm soát 35B2-366.17 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Mạnh Tuấn sinh năm 1969, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình mua tháng 9/2021 để đi lại. Sau khi mua xe, anh Tuấn để xe ở nhà đi làm ăn tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Ngày 11/12/2022, Nguyễn Đức M là con trai của anh Tuấn đã cho Nguyễn Đức T mượn chiếc xe sau

đó T đã sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, việc làm của T anh Tuấn không biết, do đó Cơ quan điều tra đã trả cho anh Nguyễn Mạnh Tuấn xe mô tô trên cùng giấy tờ xe theo quy định.

- Đối với anh Nguyễn Đức M là người cho Nguyễn Đức T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM STARX, màu trắng xanh đen biển kiểm soát 35B2-366.17, M không biết T sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản, do đó không có căn cứ để xử lý đối với M.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 08 ngày tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 20/12/2022 quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 06 (sau) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án; Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo; Trong thời gian chấp hành án bị cáo còn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng là 05% để sung công quỹ Nhà nước.

* Nếu bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 100 luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000^d.

3. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;
- Chị N, anh T1, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (hồ sơ, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình